

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2025

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thanh Tiến

2. Ông Ngô Văn Bi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp: “Xin ly hôn, con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 ngày 7 tháng 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp KN, xã TPĐ, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp KN, xã TPĐ, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Đ và anh L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tiến đến hôn nhân do mai mối nhưng có tìm hiểu và tự nguyện. Chị và anh L có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh L thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện, dùng lời lẽ xúc phạm danh dự chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẫn kéo dài

đến đầu năm 2025 thì trầm trọng. Chị về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng có trao đổi nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm của chị đối với anh L không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 30/12/2010 và Trần Hoàng L, sinh ngày 12/5/2015. Hiện tại, Trần Thị Ánh T sống với chị Đ, Trần Hoàng L sống với anh L. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Hoàng L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất theo trình bày của chị Đ về thời gian và điều kiện tiến đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về việc chị Đ chi tiêu tiền của vợ chồng không rõ ràng. Do điều kiện làm việc nên anh có thường uống rượu. Khi về nhà, anh không kèm chế tính nóng nên có lời nói không đúng với chị Đ. Đến năm 2025, chị Đ bỏ về nhà cha mẹ ở nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Do anh còn tình cảm với chị Đ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Đ trình bày. Theo nguyện vọng của 02 con muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nên anh đồng ý giao 02 con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30 tháng 12 năm 2014; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Cho chị Đ được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 30/12/2010 và Trần Hoàng L, sinh ngày 12/5/2015 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Chị Nguyễn Thị Mai Đ xin ly hôn với anh Trần Hoàng L nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 2-Đồng Tháp, theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai Đ và anh Trần Hoàng L có đăng ký xã kết hôn tại UBND xã Phú Thạnh nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ và anh L trình bày thống nhất, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2014. Nguyên nhân là do anh L thường uống rượu, chị Đ không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh L không kiềm chế được tính nóng nên có lời lẽ xúc phạm danh dự chị Đ và đập phá đồ đạc trong nhà. Ngoài ra, vợ chồng còn bất đồng quan điểm trong chi tiêu tiền chung của vợ chồng. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 01/2025 thì trầm trọng. Chị Đ về nhà cha mẹ ở nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Xét thấy, Thời gian chị Đ và anh L sống ly thân, vợ chồng có trao đổi để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tòa án đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị gặp nhau để trao đổi, hàn gắn tình cảm nhưng chị Đ và anh L cũng không hàn gắn được tình cảm. Tại phiên tòa, chị Đ kiên quyết xin ly hôn với anh L. Do đó, cho thấy tình cảm của chị Đ đối với anh L không còn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng. Vợ chồng không thể chung sống với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Chị Đ và anh L có 02 con tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 30/12/2010 và Trần Hoàng L, sinh ngày 12/5/2015. Hiện tại, Trần Thị Ánh T sống với chị Đ, Trần Hoàng L sống với anh L. Xét thấy, tại bản tự khai của Trần Hoàng L ngày 11/4/2025 và bản tự khai của Trần Thị Ánh T ngày 24/4/2025, cả 02 người con của chị Đ và anh L đều có nguyện vọng được sống với chị Đ sau khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, chị Đ và anh L thống nhất theo nguyện vọng của 02 con là giao cho chị Đ trực tiếp nuôi 02 con. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh L không yêu cầu giải quyết.

[6] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mai Đ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Anh Trần Hoàng L không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai Đ.
- Chị Nguyễn Thị Mai Đ được ly hôn với anh Trần Hoàng L.

2/ Về con chung:

- Giao 02 con tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 30/12/2010 và Trần Hoàng L, sinh ngày 12/5/2015, cho chị Nguyễn Thị Mai Đ trực tiếp nuôi dưỡng.
- Chị Nguyễn Thị Mai Đ chưa yêu cầu anh Trần Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mai Đ có nghĩa vụ nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0010771, ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, chị Nguyễn Thị Mai Đ đã nộp xong án phí.
- Anh Trần Hoàng L không nộp án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- VKS ND Khu vực 2;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI